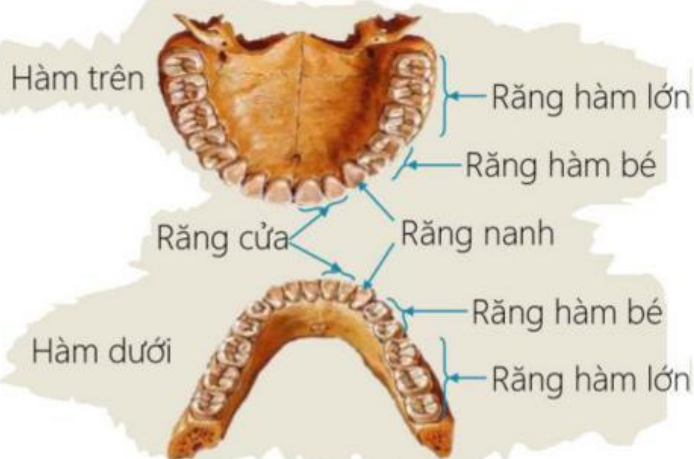


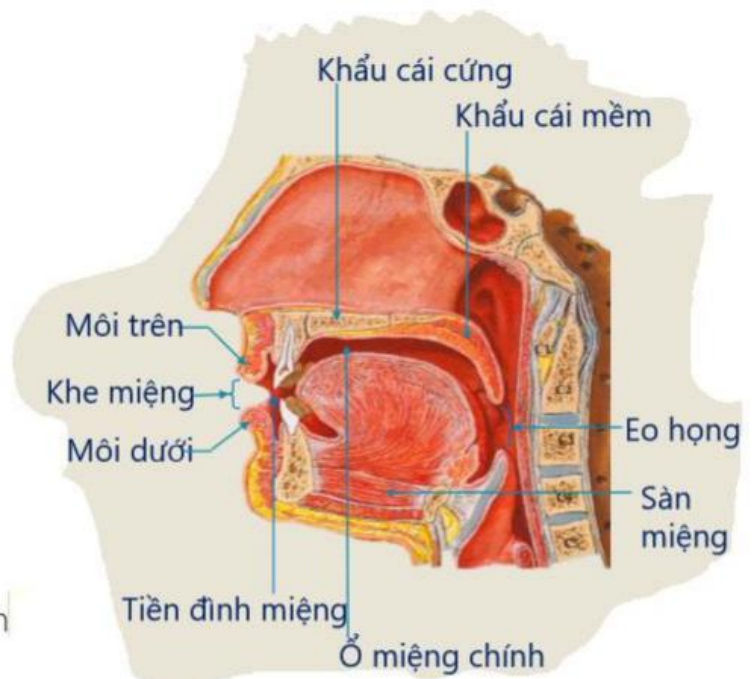
Ổ miệng

- **Giới hạn**
 - Trước: môi, khe miệng
 - Sau: eo họng
 - Trên: khẩu cái
 - Dưới: sàn miệng
- **Phân chia**
 - Tiền đình miệng
 - Ổ miệng chính



Lưỡi

- @: sàn miệng
- **Funct:** nhai - nuốt - nói - vị
- **Hình thể ngoài**
 - Rễ lưỡi
 - Thân lưỡi
 - Đỉnh lưỡi



Răng

- **Số lượng**
 - Răng sữa: 20
 - Răng vĩnh viễn: 32
- **Funct:** nhai - cắn - trộn - nghiền
- **Hình thể ngoài**
 - Chân răng
 - Cổ răng
 - Thân răng

